PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng ***Pioneer Shipbrokers*** *có trên* ***iOS và Android,*** *công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 44/2021

(2/11/2021 – 8/11/2021)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI ghi nhận ở mức 2.715 điểm, mất thêm 715 điểm (tương đương 20%) so với tuần trước đó. Từng thiết lập mốc cao kỷ lục sau một thập kỷ hồi đầu tháng 10, song đến nay chỉ số phân khúc Capesize (BCI-5TC) giảm sâu 69% chỉ sau 1 tháng. Nhà nhập khẩu hàng đầu thế giới Trung Quốc đã cắt giảm nhập khẩu nhiều mặt hàng năng lượng, nhiên liệu. Sự thay đổi liên tục và đột ngột như vậy vài tuần qua không tránh khỏi khủng hoảng, gây ra nhiều tổn thất lớn. Sức mua vẫn còn lớn song với tâm lý e ngại ở cả người Bán lẫn người Mua nên tuần 44 không ghi nhận nhiều giao dịch mua bán, phần lớn đang theo dõi thị trường điều chỉnh. Tuần qua cũng là tuần đầu tiên trong năm 2021 và xa hơn là kể từ tháng 10/2020 vắng bóng các giao dịch phân khúc Handysize.

Theo dõi thị trường, cước thuê tàu không định hạn tương đối các phân khúc tăng dần đều trong năm 2021: Phân khúc Capesize đạt đỉnh vào đầu tháng 10/2021 ở mức 86.000 đô la Mỹ/ngày thì đến ngày 5/11 còn 27.000 đô la Mỹ/ngày (mức giảm 69%), phân khúc Panamax đạt đỉnh vào cuối tháng 10 ở mức 39.000 đô la Mỹ/ngày thì ngày 05/11 còn 27.000 đô la Mỹ/ngày (mức giảm 31%), phân khúc Supramax đạt đỉnh giữa tháng 10 ở mức 39.000 đô la Mỹ/ngày thì ngày 5/11 còn 26.500 đô la Mỹ/ngày (mức giảm 32%), phân khúc Handy 28k dwt đạt đỉnh cuối tháng 10 ở mức 35.000 đô la Mỹ/ngày thì 5/11 còn 29.000 đô la Mỹ/ngày (mức giảm 18%). Trừ phân khúc Capesize, các phân khúc khác tuy mức giảm so với đỉnh khá lớn song mức cước hiện nay vẫn còn tốt, giá mua bán tàu thành công sẽ có điều chỉnh giảm nhưng không lớn. Nếu cước giảm liên tục và sâu hơn nữa, như xuống mặt bằng 20.000 đô la Mỹ/ngày, thì giá tàu Handy sẽ giảm đáng kể.

Ở mảng tàu dầu, tình hình khá lạc quan khi khoảng 3 tuần trở lại cước thuê tăng nhẹ. Giá dầu cũng như nhu cầu đi lại toàn cầu tăng. Tuy nhiên, vì biến động chưa sắc nét nên trước khi thị trường ổn định hơn, thì vẫn còn sớm để đưa ra bất kỳ nhận định nào. Ở phân khúc tàu MR, ghi nhận tàu ***Angel 61*** (48.635 dwt, đóng 2006 Nhật, hạn đà DD 06/2024, SS 05/2026) bán với giá 9,8 triệu đô la Mỹ. Tàu tương tự lớn hơn một chút ***High Venture*** (51.088 dwt, đóng 2006 Nhật, hạn đà DD 05/2024, SS 04/2026) bán cho người Mua Ấn Độ với giá 10,7 triệu đô la Mỹ. Hai tàu đề cập trên đều đã lắp hệ thống xử lý nước dằn.

Sự kiện COP26 diễn ra tại Glasgow, Scotland dể đi đến thống nhất thỏa thuận giảm 50% mức phát thải carbon ròng năm 2030 và trung hòa vào năm 2050 – mục tiêu đầy tham vọng. Các quốc gia trong khối G20 (đặc biệt là Trung Quốc, Mỹ, Đức, Ấn Độ, Brazil...) vốn chiếm 80% lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính toàn cầu. Trung Quốc – quốc gia có quy mô sản xuất hàng đầu và có lượng phát thải cũng hàng đầu thế giới vắng mặt song trước đó nước này đã công bố kế hoạch cho thấy nỗ lực khá nghiêm túc đối với mục tiêu mà COP26 hướng tới (trừ dự kiến trung hòa phát thải carbon năm 2060). Trước mắt để phục vụ sự kiện Thế Vận Hội Mùa Đông (Winter Olympics) tháng 2-3/2022, chính phủ Trung Quốc ráo riết triển khai cắt giảm sản xuất, nhập khẩu thép để cải thiện chất lượng môi trường. Đồng thời giảm xuất khẩu than để bảo

đảm trữ lượng nội địa song song với việc kiểm soát hoạt động khối bất động sản. Để đạt mục tiêu ngành thép không tăng trưởng, thì sản lượng thép ở Trung Quốc không vượt hơn 1,06 tỷ tấn trong khi sản lượng 9 tháng đầu năm đã trên 800 triệu tấn. Trung Quốc cũng cam kết giảm tiêu thụ than từ năm 2026. Như vậy, trước mắt không có nhiều triển vọng nhu cầu về gần cuối năm. Tuy nhiên mỗi quốc gia trên thế giới đều có thế khó riêng và chưa có gì chắc chắn rằng các quốc gia sẽ thực hiện đúng như tuyên bố của họ. Dẫu kết quả ra sao thì tác động và áp lực đối với ngành vận tải nói chung và hàng hải nói riêng là vô cùng lớn.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Price m.usd	Buyers	Comment
			BULKERS			
MP The Kraft	2020	China	209,199	65.00	Singaporean	
MP The Hightower	2020	China	207,999	65.00		
Bao May	2010	China	178,050	31.50	Undisclosed	
NB Jiangsu Yangzi-Mitsui Hull YZJ2015-2686	2022	China	82,300	38.00	Greek	Resale, blt 01/2021, dely 08/2022
Majulah Harbourfront	2014	Tsuneishi Zhoushan, China	81,822	31.00	Undisclosed	DD 10/2022, SS 11/2024
Shandong Chong Wen	2011	China	76,098	19.64	Chinese	Auction sale, bss dely 01/2022, DD/SS overdue 09/2021
HTC Delta	2014	China	56,533	20.50	Undisclosed	DD 06/2022, SS 06/2024
Blueways	1998	Japan	46,658	8.00	Undisclosed	DD/SS 01/2023
			TANKERS			
Seaways Saugerties	2006	Korea	162,293	21.80	European	
Atalandi	2004	Korea	105,306	13.60	Undisclosed	
Iris Victoria	2010	Japan	74,905	17.75	Undisclosed	BWTS fitted, DD 08/2023, SS 06/2025
Tai Hu	2007	China	73,980	10.50	Chinese	Judicial sale, DD/SS 08/2022
Star Eagle	2007	Korea	51,202	11.75	Undisclosed	DD/SS 10/2022
High Venture	2006	Korea	51,088	10.70	Indian	BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, DD 05/2024, SS 04/2026
Angle 61	2006	Japan	48,635	9.80	Greek	BWTS fitted, pumproom type, uncoiled, chemical IMO III, epoxy coated, DD/SS passed 06/2021, next DD 06/2024, SS 05/2026
Angle 62	2009	Japan	47,410	13.00	Spring Marine Mangagement	Pumproom type, DD 07/2022, SS 07/2024

Patras	2007	Turkey	16,745	Undisclosed	Undisclosed	Old sale, chemical IMO II, epoxy coated, ice class, DD/SS 09/2022
Bow Fulling	2012	China	9,124			Stainless steel, *Bow Fulling* (DD/SS 06/2022), *Bow Nangang* (DD/SS 03/2023), *Bow Dalian* (DD/SS 11/2022), Singaporean owner
Bow Nangang	2013	China	9,124	Undisclosed	E&S Tankers	
Bow Dalian	2012	China	9,118			
CONTAINER						
Cartagena Trader	2008	China	42,056	Undisclosed	French, CMA CGM	3534 teu, ice class, DD/SS 03/2023
Asturiano II	2012	China	16,866	Undisclosed	UAE-based, Safeen Feeders	1368 teu, fully cellular, CR X240T, SS 03/2022, DD pased 07/2021, SS 03/2022, Argentine owner

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)		Ngày 05/11	Ngày 01/10	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	60.50	59.00	2.5	34.5	47.5	60.5
180k dwt	5 tuổi	46.50	44.00	3.3	23.0	31.3	46.5
170k dwt	10 tuổi	36.50	35.50	2.8	12.0	22.0	36.5
150k dwt	15 tuổi	23.50	22.50	4.4	6.5	13.6	23.5
PANAMAX							
82k dwt	Resale	44.00	40.00	10.0	22.5	29.8	43.0
82k dwt	5 tuổi	35.50	34.00	4.4	11.5	22.0	35.5
76k dwt	10 tuổi	26.00	25.50	2.0	7.3	14.0	26.0
74k dwt	15 tuổi	19.00	18.50	2.7	3.5	9.2	19.0
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	39.50	38.00	3.9	19.0	27.1	39.5
58k dwt	5 tuổi	29.50	29.50	0.0	11.0	17.3	29.5
56k dwt	10 tuổi	23.50	22.50	4.4	6.0	12.5	23.5
52k dwt	15 tuổi	17.50	16.50	6.1	3.5	8.3	17.5
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	30.50	30.50	0.0	17.0	22.3	30.5
37k dwt	5 tuổi	26.00	25.50	2.0	7.8	15.1	26.0
32k dwt	10 tuổi	18.00	17.50	2.9	6.0	9.7	18.0
28k dwt	15 tuổi	11.50	11.50	0.0	3.5	5.9	11.5

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)		Ngày 05/11	Ngày 01/10	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	100.00	98.00	2.0	82.0	91.5	106.0
310k dwt	5 tuổi	70.50	70.50	0.0	60.0	68.2	83.0
250k dwt	10 tuổi	46.50	46.50	0.0	38.0	45.9	58.0
250k dwt	15 tuổi	33.50	33.50	0.0	21.5	30.2	40.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	70.00	68.00	2.9	54.0	62.5	72.0
150k dwt	5 tuổi	48.50	48.50	0.0	40.0	47.1	62.0
150k dwt	10 tuổi	32.50	32.50	0.0	25.0	32.1	44.5
150k dwt	15 tuổi	18.00	18.00	0.0	16.0	19.4	24.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	57.00	56.00	1.8	43.5	49.5	56.0
110k dwt	5 tuổi	40.50	40.50	0.0	29.5	35.6	47.5
105k dwt	10 tuổi	26.50	26.50	0.0	18.0	23.5	32.5
105k dwt	15 tuổi	16.50	16.50	0.0	11.0	14.4	21.0
MR							
52k dwt	Resale	39.00	39.00	0.0	33.0	36.6	40.0
52k dwt	5 tuổi	28.50	28.50	0.0	23.0	26.9	31.0
45k dwt	10 tuổi	18.00	18.50	0.0	14.5	17.9	21.0
45k dwt	15 tuổi	11.50	11.50	0.0	9.0	11.0	13.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	115,000 dwt	58.00-59.00	2	Daehan, Korea	Easterm Mediterranean	3Q 2023	Price per unit
Bulker	82,000 dwt	34.00	4	Jiangsu New Hantong H.I.	Reederei H. Vogemann, Germany	2023	Price per unit
Bulker	64,000 dwt	35.00	2	Imabari, Japan	Wisdom Marine, Taiwan	2024	Price per unit

Bulker	45,000 dwt	33.00	4	Yangzijiang	Navibulgar, China	2024	Price per unit
Container	2,900 teu	38.00	4	Fujian Mawei	Karnaphuli/HR Lines, Bangladesh	2023-2024	Price per unit

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 05/11	Ngày 01/10	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	60.8	60.5	0.4	41.8	48.5	60.8
K.sarmax (82.000 dwt)	36.0	36.0	0.0	24.3	29.4	36.0
P.max (77.000 dwt)	33.8	33.8	0.0	23.8	28.3	33.8
Ultramax (64.000 dwt)	33.0	33.0	0.0	22.3	27.3	33.0
Handysize (37.000 dwt)	29.5	29.5	0.0	19.5	23.6	29.5
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	124.5	124.5	0.0	82.5	89.9	124.5
P.max (5.200 teu)	67.5	67.5	0.0	42.5	50.5	67.5
Sub P.max (2.5000 teu)	36.5	36.5	0.0	26.0	31.0	36.5
Feeder (1.700 teu)	28.0	28.0	0.0	18.6	23.0	28.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 05/11	Ngày 01/10	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	109.0	107.5	1.4	80.0	89.4	109.0
S.max (170.000 dwt)	75.5	74.5	1.3	53.0	59.4	75.5
A.max (115.000 dwt)	60.0	59.5	0.8	43.0	48.6	60.0
LR1 (75.000 dwt)	55.0	54.5	0.9	42.0	46.0	55.0
MR (56.000 dwt)	41.5	40.5	2.5	32.5	35.2	41.5
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	199.0	199.0	0.0	180.0	187.9	201.3
LPG LGC (80k cbm)	78.0	78.0	0.0	70.0	71.8	78.0
LPG MGC (55k cbm)	70.0	70.0	0.0	62.0	63.9	70.0
LPG SGC (25k cbm)	47.5	47.5	0.0	40.0	42.7	47.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Tuần này, phân khúc **Supramax** và **Ultramax** tiếp tục rớt đà khi chứng kiến hầu hết khu vực đều giảm, đặc biệt vẫn giảm sâu ở thị trường Thái Bình Dương. Tuy nhiên cước thị trường Đại Tây Dương vẫn khá ổn định trước "sự điều chỉnh" này. Ghi nhận cước đóng cửa ở mức 26.580 đô la Mỹ, giảm 7.567 đô la Mỹ (tương đương 22%) so với tuần trước 34.147 đô la Mỹ. Ở Đại Tây Dương, tàu *SFL Sara* (56.589 dwt, đóng 2011) được chốt chạy một chuyến dự kiến chở tinh quặng, giao ở San Antonio, Chile và trả ở vùng Viễn Đông với giá khoảng 44.000 đô la Mỹ. Tàu *Nautical Georgia* (63.435 dwt, đóng 2017) được chốt chở hàng hạt rời giao ở Đèo Tây Nam và trả ở Bờ Đông Mexico với giá khoảng 40.000 đô la Mỹ. Ở Ấn Độ Dương, tàu *Jabal Harim* (63.277 dwt, đóng 2016) được chốt chở muối giao Navlakhi và trả ở Trung Quốc qua Bờ Tây Ấn Độ với giá khoảng 32.000 đô la Mỹ. Tàu *Skywalker* (63.056 dwt, đóng 2015) được cho là chốt chạy một chuyến giao ở Colombo và trả ở khu vực Viễn Đông qua Nam Phi với giá khoảng 36.000 đô la Mỹ. Còn ở Thái Bình Dương, tàu *Federal Cardinal* (57.995 dwt, đóng 2015) được chốt giao ngay Tianjin và trả ở khu vực lục địa già với giá khoảng 22.000 đô la Mỹ/60 ngày đầu thuê, giá sau đó là 30.000 đô la Mỹ.

Cước phân khúc Handysize giảm trầm trọng, từ 35.487 đô la Mỹ tuần trước xuống còn 31.074 đô la Mỹ (tương đương 12,4%). Khu vực lục địa già giảm mạnh, cước chở hàng hạt rời đi Algeria được chốt khoảng 30.000 đô la Mỹ đối với tàu khoảng 28k dwt. Tàu *Bernis* (34.627 dwt, đóng 2011) neo tại Skikda được chốt giao Annaba đi bờ đông Nam Mỹ, chở phân bón với giá khoảng 33.000 đô la mỹ. Vào đầu tuần, một tàu khoảng 34k dwt của Namura được chốt hành trình chạy từ Biển Đen đến Vịnh Hoa Kỳ, chở thép với giá khoảng 34.000-35.00 đô la Mỹ. Cước chạy trong Địa Trung Hải được ghi nhận ở mức khoảng 30.000 đô la Mỹ. Còn thị trường Vịnh Hoa Kỳ nhìn chung không biến động quá nhiều. Lauritzen chốt tàu *Pola Ariake* (38.595 dwt, đóng 2019) được chốt giao Mobile trả tại Ireland với giá khoảng 37.000 đô la Mỹ. Perdue chốt tàu *Weco Karoline* (38.905 dwt, đóng 2020) giao ở Norfolk và trả tại Tunisia với giá khoảng 35.000 đô la Mỹ. Phía bờ bắc Nam Mỹ, tàu *Strategic Equity* (39.880 dwt, đóng 2014) được chốt giao Fortaleza qua bắc Brazil và trả ở phía bờ đông Mỹ với giá khoảng 37.500 đô la Mỹ và ngoài khơi phía nam, tàu *Ishizuchi Star* (37.637 dwt, đóng 2017) neo tại Vitoria được chốt chạy xuyên Đại Tây Dương đi khu vực lục địa già-Địa Trung Hải với giá khoảng 36.000 đô la Mỹ. Trong khi đó, cước tại thị trường Châu Á giảm mạnh. Tàu *Bronco* (28.220 dwt, đóng 2014) được chốt giao ngay phía Bắc Việt Nam qua Nam Úc đi khu vực

Chennai/Lumut với giá khoảng 25.750 đô la Mỹ. Một tàu khoảng 32k dwt neo tại Trung Quốc được chốt chạy qua CIS và trả tại Trung Quốc với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ. Tàu *DL Oilive* (35.194 dwt, đóng 2013) neo tại Cigading được chốt chạy một chuyến qua Indonesia đi Trung Quốc với giá khoảng 22.000 đô la Mỹ. Tàu *IVS Magpie* (28.240 dwt, đóng 2011) neo tại Tanjung Priok được chốt chạy qua Indonesia, trả tại Nhật với giá khoảng 26.000 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 44/2021 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 44	TUẦN 43	Mức thấp nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 44)	Mức cao nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 44)
TRANSATLANTIC RV	30,065	35,125	16,608	45,050
TCT CONT/F.EAST	40,977	47,955	23,777	52,691
TCT F.EAST/CONT	18,175	23,133	4,471	24,685
TCT F.EAST RV	22,604	34,313	12,476	40,687
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	35,012	40,679	16,333	47,168
PACIFIC RV	19,500	28,321	9,408	37,350
TCT CONT/F.EAST	46,383	50,758	18,711	58,258

GIÁ THUÊ SPOT T/C TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 8/11/2021

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	25,669	▼	7.793
SMALL HANDY (38BC)	30,400	▼	4.592
SMALL HANDY (28BC)	28,434	▼	4.592

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước 1/11/2021)

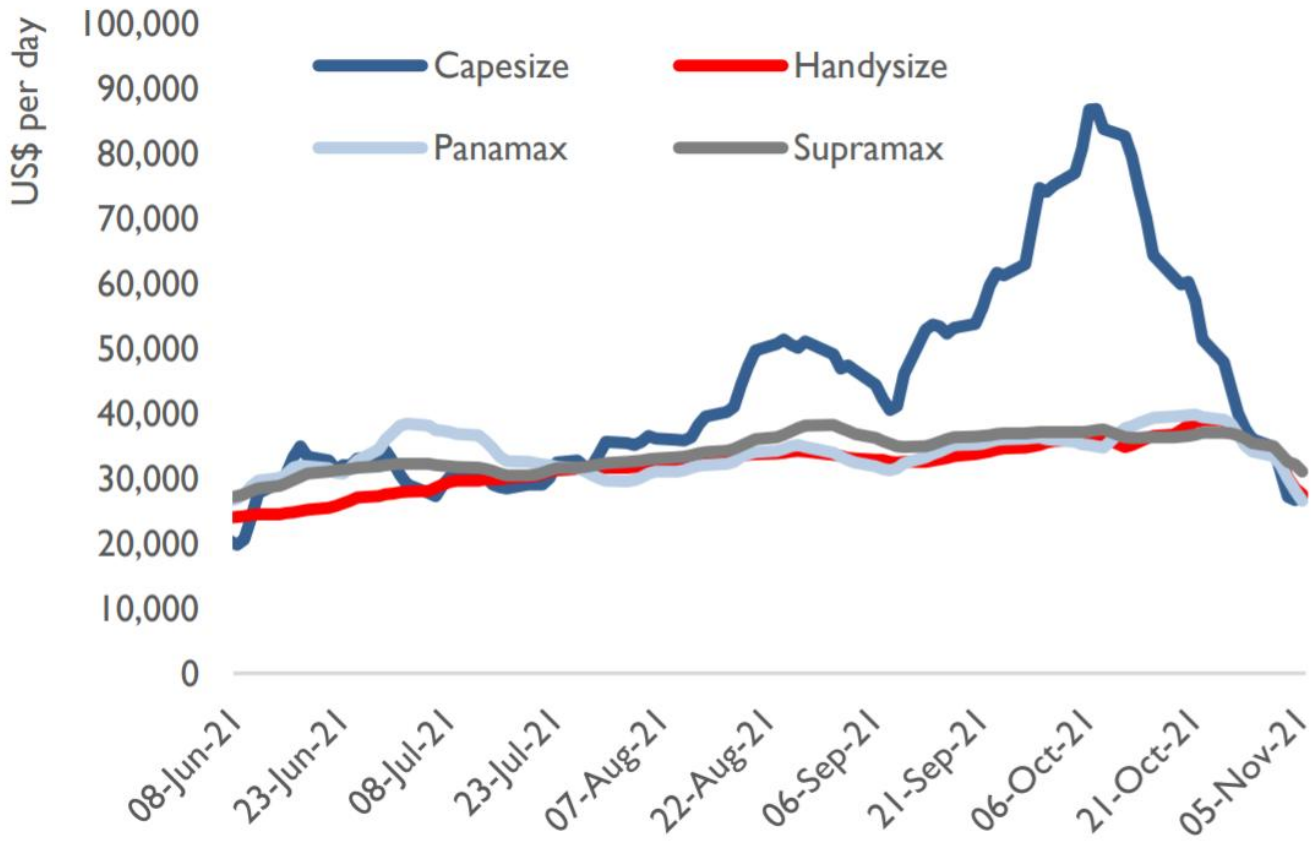

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

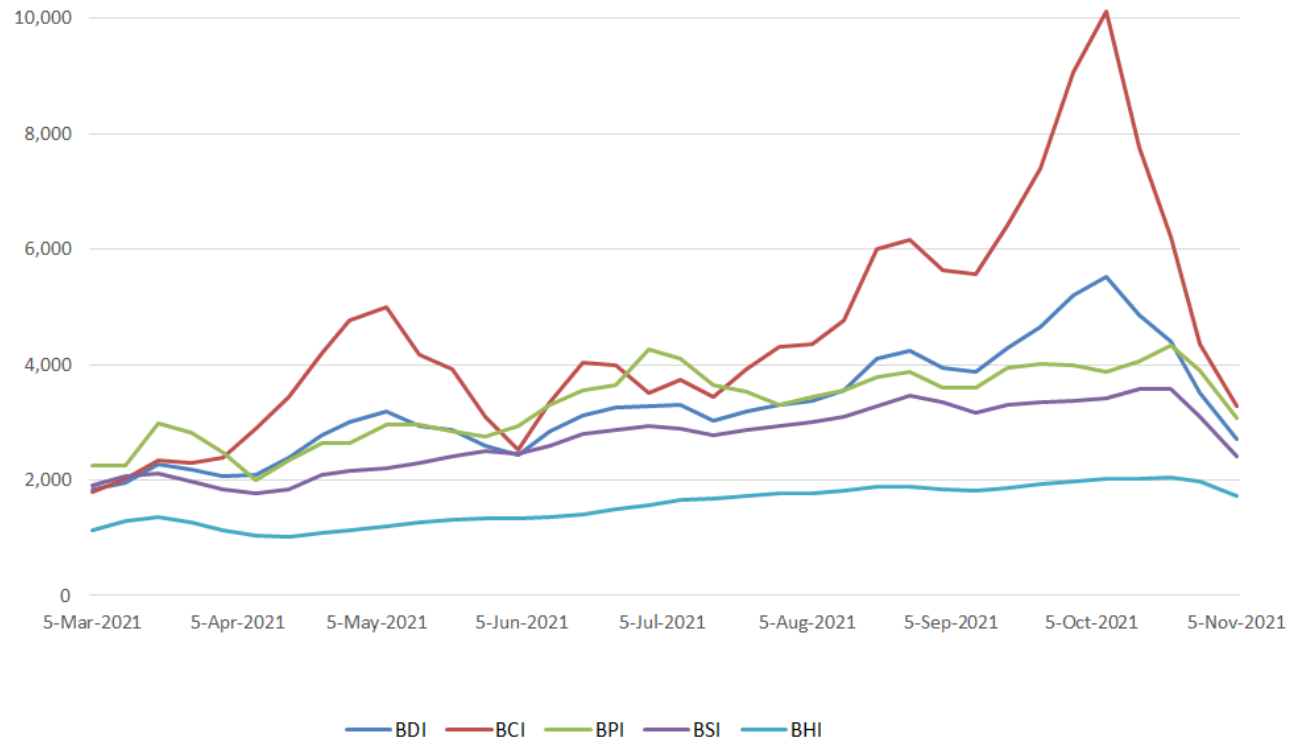

3.2. Thị trường thuê tàu dầu:

Ở mảng thuê tàu dầu, Trafigura chốt thuê tàu *Gem No. 1* (302.652 dwt, đóng 2016) khai thác 3 năm với giá 34.000 đô la Mỹ và tàu *Georgy Maslov* (122.018 dwt, đóng 2012) khai thác 3-6 tháng với giá 17.500 đô la Mỹ. Clearlake chốt thuê tàu *Leon Apollon* (74.999 dwt, đóng 2009) khai thác 6 tháng với giá 13.600 đô la Mỹ. Stena Bulk chốt thuê tàu *Nave Luminosity* (49.999 dwt, đóng 2014) khai thác 1 năm với giá 15.000 đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 44			Giá thuê tàu định hạn tuần 43		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	26,000	29,000	36,000	25,000	28,000	35,000
SUEZMAX	17,500	22,000	27,000	17,000	21,500	27,000
AFRAMAX	17,000	20,000	24,000	16,500	19,500	23,500
LR-2	18,000	21,000	25,000	17,000	20,000	24,500
LR-1	14,500	16,000	17,500	13,750	16,000	17,500
MR	13,500	14,000	16,500	13,250	13,500	16,500
HANDY	11,250	12,750	14,000	11,250	12,750	14,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

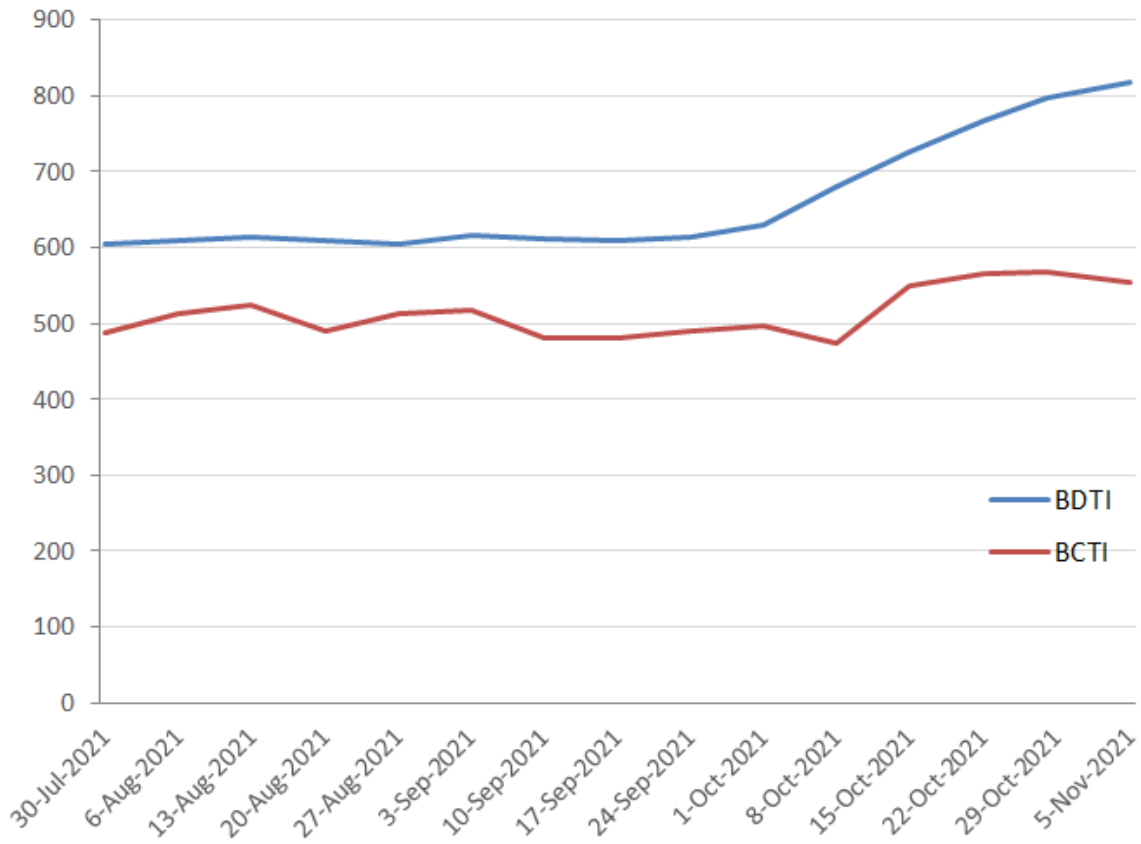

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

Ngày lễ Diwali tại Ấn Độ khiến thị trường tại đây khá yên ắng song nhìn chung tổng quan thị trường phá dỡ khá tích cực – giá thép ổn định, trừ Thổ Nhĩ Kỳ. Với giá phá dỡ suýt soát, Bangladesh và Pakistan tiếp tục trong tình thế cạnh tranh nhau các đơn hàng phá dỡ tàu có ldt lớn. Mặt khác, cước thuê tàu dầu đang dần ổn định phần nào và do đó sắp tới có thể không có số lượng tàu bán phá dỡ (đặc biệt là tàu dầu) nhiều như những tuần trước. Một khi cước ổn định hơn, thị trường tốt thì chủ tàu có thể chọn phương án giữ tàu lại để khai thác thêm thay vì phải bán phá dỡ sớm. Tuy nhiên, trước các nỗ lực cắt giảm lượng khí thải carbon toàn cầu, quá trình sản xuất mới lại là nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí thì nhu cầu bán phá dỡ sắp tới sẽ còn tăng và đẩy giá sắt thép phế liệu lên cao hơn nữa.

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US$	▼/▲	US$	▼/▲
1	Bangladesh	600		610	
2	Pakistan	590		600	
3	India	580		590	
4	Turkey	300		310	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 44/2021

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US$/lt)	Dwt	Comments
Alba Sun	Tanker	1996	16,726	Pakistan	-	99,448	Old sale
Victory	Tanker	1998	9,249	Pakistan	-	47,225	Old sale
Win Lotus	Tanker	1990	2,871	India	695.00	7,078	Solid stainless center tanks

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email:snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.